

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08 -10 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đông Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Tuấn Vũ và bà Đoàn Thị Duyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Ngoan - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Duyên- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- NgUđơn: Chị **Vũ Thị H-** sinh năm 1997

- Bị đơn: Anh **Lê Xuân U-** sinh năm 1987

Đều ở địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh U vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án ngUđơn chị Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh U tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 05/11/2014. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị sống tại nhà mẹ đẻ chị ở xã Q. Cuộc sống vợ chồng những năm đầu mới cưới hòa thuận, hạnh phúc tuy nhiên từ đầu năm 2018 thì chị và anh U

bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh U ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và nhiều lần đánh đập, xúc phạm chị. Chị và anh U đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Ngoài ra trong thời gian vợ chồng ly thân anh U cũng nhiều lần cậy cửa vào nhà chị để lấy đồ và đánh chị, do vậy chị không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng với anh U, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh U.

Về con chung: Chị H khai vợ chồng có hai con chung là Lê Vũ Minh A sinh ngày 16/5/2014 và Lê Thảo M sinh ngày 23/8/2016. Hiện cháu Minh A đang sống cùng chị còn cháu M đang sống cùng anh U. Ly hôn chị H đề nghị tiếp tục nuôi con Minh A, và để anh U nuôi con M, hai vợ chồng chị không ai phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai của anh U ngày 11/8/2020 và biên bản lấy lời khai của anh U ngày 12/8/2020 thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị H đã trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo quan điểm của anh U là do chị H sống không chung thủy, biểu hiện là nhiều lần anh bắt gặp chị H nhắn tin, đi làm chung xe với người đàn ông khác và hiện còn đang mang thai với người đàn ông khác. Nay chị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm không còn, anh nhất trí ly hôn chị H.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị H đã trình bày. Ly hôn anh U đề nghị nuôi con M và để chị H nuôi con Minh A.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án sau khi anh U lên tòa án nộp các giấy tờ và trình bày lời khai, anh U đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gồm thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo hòa giải, tuy nhiên sau đó anh U không hợp tác, không tiếp tục tham gia tố tụng tại Tòa án.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q, huyện K thể hiện: Chị H và U tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện K, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không tin tưởng nhau, ghen tuông vô cớ. Chính quyền thôn, xã đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhiều lần tuy nhiên không có kết quả, anh U nghi ngờ chị H ngoại tình nhưng không đưa ra được chứng cứ, còn bản thân chị H cũng không phải là người phụ nữ đảm đang, chăm lo vun vén gia đình do đó mâu thuẫn vợ chồng càng thẳng không hòa giải được. Nay chị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn, anh U cũng đồng ý ly hôn, địa phương đề nghị tòa án giải quyết cho vợ chồng ly

hôn theo quy định. Về con chung: Chị H và anh U có hai con chung tên là Lê Vũ Minh A và Lê Thảo M, từ khi vợ chồng ly thân cháu A ở với chị H, cháu M ở với anh U, địa phương đề nghị tòa án giải quyết việc nuôi con theo đề nghị của các bên cũng như đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con. Về tài sản chung: không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh U; giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Vũ Minh A, giao cho anh U tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Thảo M, hai bên không ai phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai và được quyền thăm nom con chung; về tài sản và nợ chung: không có; về án phí chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

**- Về thủ tục tố tụng:**

[1] Chị Vũ Thị H xin ly hôn anh Lê Xuân U có nơi cư trú tại thôn N, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn chị Vũ Thị H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Xuân U không tham gia, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật; tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; tiến hành thu thập tài liệu, xác minh chứng cứ hợp pháp. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

**- Về nội dung vụ án:**

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh U đăng ký kết hôn ngày 05/11/2014 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Thái bình, quan hệ hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống không tin tưởng nhau, anh U nghi ngờ chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và nghi ngờ chị H có thai với người khác tuy nhiên lại không đưa ra được chứng cứ, còn chị H khẳng định không mang thai và việc anh U nói chị ngoài tình là không đúng. Ngoài ra bản thân anh U thường xuyên dùng vũ lực, có hành vi bạo lực đối với chị H. Vợ chồng mâu thuẫn chính quyền địa phương đã nhiều lần phải can thiệp, hòa giải nhưng không đạt được kết quả. Chị H và anh U đã ly thân từ đầu năm 2018 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn, anh U cũng nhất trí chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, quan điểm của Kiểm sát viên, xử cho chị H được ly hôn anh U là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H có nguyện vọng tiếp tục được nuôi cháu Lê Vũ Minh A và đề nghị giao cho anh U trực tiếp nuôi cháu M. Xét thấy nguyện vọng của các bên đều phù hợp, hiện nay các cháu đều đã có nơi ở, điều kiện sinh hoạt ổn định. Do đó cần chấp nhận giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Vũ Minh A, anh U trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thảo M là đảm bảo quyền lợi, lợi ích hợp pháp của các cháu và phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh U đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, vì vậy việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Chị H và anh U đều được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự đều khai không có.

[7] Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Lê Xuân U.

2. **Về quan hệ con chung:** Giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi con chung Lê Vũ Minh A sinh ngày 16/5/2014, giao cho anh Lê Xuân U trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thảo M sinh ngày 23/8/2016. Chị H và anh U được quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi không ai được cản trở.

3. **Về tài sản và nợ chung:** Không có..

4. **Về án phí:** Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001670 ngày 04/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Như vậy chị H đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. **Về quyền kháng cáo:** Chị H, anh U vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
(đã ký)

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu: hồ sơ, vp.

**Vũ Đông Giang**